

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0674002 - Thí nghiệm hoá học  
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0)      Lần thi : 1  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Quảng Diệu        | Thành  | 3710102007 | 27/08/1992 |             | 8,50        | 8,50      |         |
| 2   | Đặng Văn          | Bảo    | 3710102008 | 12/08/1992 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 3   | Đặng Quốc         | Duy    | 3710102009 | 10/02/1986 |             | 10,00       | 10,00     |         |
| 4   | Nguyễn Thành      | Vinh   | 3710102012 | 01/07/1992 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 5   | Dương Phạm Hoàng  | Anh    | 3710102015 | 09/03/1992 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 6   | Nguyễn Văn        | Tinh   | 3710102021 | 10/01/1984 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 7   | Phạm Hùng         | Cường  | 3710102022 | 05/10/1991 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 8   | Nguyễn Thành      | Nam    | 3710102023 | 27/01/1988 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 9   | Trần Văn          | Thịnh  | 3710102027 | 00/00/1990 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 10  | Phan Thanh        | Dũng   | 3710102028 | 10/09/1991 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 11  | Trần Thúc         | Định   | 3710102030 | 19/08/1992 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 12  | Nguyễn Văn        | Giảng  | 3710102032 | 05/08/1992 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 13  | Phạm Hồng         | Ngọc   | 3710102034 | 30/11/1990 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 14  | Bùi Tiến          | Hoàng  | 3710102037 | 23/03/1992 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 15  | Bùi Trung         | Tinh   | 3710102046 | 06/01/1991 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 16  | Võ Văn            | Minh   | 3710102047 | 20/02/1991 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 17  | Võ Trương Ái      | Trân   | 3710102048 | 05/09/1992 |             | 10,00       | 10,00     |         |
| 18  | Nguyễn Thanh      | Hiền   | 3710102052 | 17/11/1991 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 19  | Nguyễn Huỳnh      | Thắng  | 3710102053 | 05/06/1991 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 20  | Võ Thanh          | Quang  | 3710102054 | 20/11/1989 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 21  | Võ Văn            | Hải    | 3710102057 | 15/01/1990 |             | 8,00        | 8,00      |         |
| 22  | Từ Công           | Tân    | 3710102059 | 05/06/1990 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 23  | Bùi Đăng          | Minh   | 3710102060 | 02/09/1988 |             | 8,00        | 8,00      |         |
| 24  | Phạm Văn          | Trung  | 3710102061 | 10/12/1991 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 25  | Lê Hoàng          | Ân     | 3710102062 | 22/12/1986 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 26  | Phạm Quan         | Trường | 3710102063 | 18/02/1990 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 27  | Lê Khắc           | Nam    | 3710102066 | 16/07/1991 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 28  | Đặng Tuấn         | Nhân   | 3710102069 | 05/01/1987 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 29  | Hồ Thanh          | Hoàng  | 3710102074 | 25/05/1990 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 30  | Nguyễn Hữu        | Tuấn   | 3710102076 | 28/09/1991 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 31  | Đoàn Trung        | Kiên   | 3710102077 | 21/08/1992 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 32  | Nguyễn Phạm Thành | Giang  | 3710102079 | 18/01/1991 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 33  | Nguyễn Kiều       | Hoàng  | 3710102081 | 11/09/1992 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 34  | Trần Tùng         | Hải    | 3710102084 | 02/07/1989 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 35  | Nguyễn Văn        | Bản    | 3710102087 | 12/10/1987 |             | 7,00        | 7,00      |         |

| STT | Họ và tên       |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                 |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | Dương Bá        | Tiến   | 3710102089 | 20/05/1988 |             | 5,50        | 5,50      |         |
| 37  | Dư Văn          | Tí     | 3710102094 | 16/12/1988 |             | ,00         | ,00       |         |
| 38  | Phạm Ngọc       | Huy    | 3710102096 | 15/10/1991 |             | 8,00        | 8,00      |         |
| 39  | Văn Quốc        | Dũng   | 3710102099 | 10/09/1989 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 40  | Nguyễn Xuân     | Nhật   | 3710102100 | 14/11/1990 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 41  | Lê Anh          | Duy    | 3710102103 | 05/04/1990 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 42  | Nguyễn Sơn      | Lâm    | 3710102104 | 02/02/1991 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 43  | Nguyễn Văn      | Khoa   | 3710102105 | 26/06/1991 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 44  | Huỳnh Quang     | Nhân   | 3710102106 | 21/12/1987 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 45  | Nguyễn Ngọc     | Trung  | 3710102112 | 20/10/1990 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 46  | Diệp Minh       | Tâm    | 3710102114 | 21/06/1990 |             | 6,50        | 6,50      |         |
| 47  | Trần Lê Thy     | Khanh  | 3710102115 | 02/03/1989 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 48  | Đặng            | Hữu    | 3710102117 | 25/08/1988 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 49  | Phạm Văn        | Hạnh   | 3710102118 | 17/11/1992 |             | 10,00       | 10,00     |         |
| 50  | Đình Minh       | Tiến   | 3710102123 | 20/11/1989 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 51  | Phan Lê         | Duy    | 3710102124 | 06/06/1990 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 52  | Lâm Hữu         | Phước  | 3710102125 | 19/05/1990 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 53  | Nguyễn Anh      | Thông  | 3710102126 | 12/12/1990 |             | ,00         | ,00       |         |
| 54  | Lại Minh        | Tuấn   | 3710102129 | 20/09/1985 |             | ,00         | ,00       |         |
| 55  | Trần Đức        | Thuận  | 3710102130 | 09/10/1990 |             | ,00         | ,00       |         |
| 56  | Huỳnh Trung     | Dũng   | 3710102131 | 09/01/1989 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 57  | Đặng Quốc       | Hòa    | 3710102136 | 19/03/1988 |             | 6,50        | 6,50      |         |
| 58  | Trần Văn        | Huyền  | 3710102137 | 25/12/1989 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 59  | Nguyễn Đình     | Tân    | 3710102138 | 08/02/1983 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 60  | Đạo Thanh       | Nhật   | 3710102140 | 02/07/1988 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 61  | Trần Văn        | Hiếu   | 3710102144 | 02/01/1991 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 62  | Vũ Đình         | Ninh   | 3710102152 | 08/09/1989 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 63  | Trần Anh        | Khương | 3710102161 | 13/08/1987 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 64  | Nguyễn Văn Minh | Tân    | 3710102165 | 14/09/1991 |             | 5,50        | 5,50      |         |
| 65  | Nguyễn Hoài     | Huy    | 3710102166 | 20/05/1990 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 66  | Huỳnh Văn       | Đang   | 3710102167 | 19/12/1988 |             | 6,50        | 6,50      |         |
| 67  | Bùi Minh        | Tân    | 3710102168 | 06/07/1992 |             | 5,50        | 5,50      |         |
| 68  | Nguyễn Đức      | An     | 3710102174 | 20/06/1989 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 69  | Lưu Thái        | Quốc   | 3710102175 | 21/05/1988 |             | 6,00        | 6,00      |         |
| 70  | Lộ Anh          | Ních   | 3710102177 | 10/09/1987 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 71  | Bùi Thanh       | Vũ     | 3710102180 | 23/03/1991 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 72  | Phạm Minh       | Thiện  | 3710102182 | 16/07/1988 |             | ,00         | ,00       |         |

Học phần : L0674002 - Thí nghiệm hoá học  
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0)      Lần thi : 1  
Năm học : 2013-2014      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên | MSSV | Ngày sinh | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-----------|------|-----------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |           |      |           | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |

Tổng số : **SV**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2013*

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)